

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/05/2022
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Võ Văn Mai	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Nguyễn Duy Nguyên	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022

Ủy ban kiểm toán

Bà Đỗ Thị Mai	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/05/2022
Ông Đặng Hoàng Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2022

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022
Bà Lương Thị Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Phan Như Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/05/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ông Hoàng Thanh Phúc Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Cao
Đằng Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Hải Đoàn – Tổng Giám đốc (sinh ngày 19/11/1978; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 024078000528 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 29/05/2020).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

8. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 06 năm 2023



Số: 065/2023/BCKT-PB.00472

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 06 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/03/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác và kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này.



A handwritten signature in blue ink that reads "Vũ Giang Nam".

ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

VŨ GIANG NAM

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2023 VND	01/04/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		567.536.506.017	434.239.545.490
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.467.219.781	71.085.372.700
1. Tiền	111		21.467.219.781	36.085.372.700
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	105.521.754.431	77.760.701.602
1. Chứng khoán kinh doanh	121		108.782.311.449	69.311.477.193
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(17.331.252.638)	(6.925.679.521)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.070.695.620	15.374.903.930
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		279.048.643.793	131.211.401.971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	250.934.603.287	71.275.557.051
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.642.096.822	10.382.310.177
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.5	-	34.079.244.428
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	5.300.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	21.258.106.924	20.072.949.867
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(22.086.163.240)	(4.598.659.552)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.9	82.685.353.419	76.973.436.588
1. Hàng tồn kho	141		82.685.353.419	99.391.473.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(22.418.036.551)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		78.813.534.593	77.208.632.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	2.443.892.866	1.149.281.668
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.077.349.267	3.105.973.258
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	1.292.292.460	953.377.703
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	5.11	72.000.000.000	72.000.000.000
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.967.441.239	113.088.560.855
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		56.250.000	56.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	56.250.000	56.250.000
II/ Tài sản cố định	220		973.726.992	84.618.104
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	973.726.992	84.618.104
- Nguyên giá	222		11.468.343.316	10.446.501.953
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.494.616.324)	(10.361.883.849)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	-	-
- Nguyên giá	228		-	189.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(189.800.000)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.14	15.680.620.000	15.680.620.000
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	138.703.446.880	96.884.995.043
1. Đầu tư vào công ty con	251		53.293.570.000	33.293.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		85.605.026.880	76.605.026.880
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.098.420.000	16.862.464.944
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.293.570.000)	(29.876.066.781)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		553.397.367	382.077.708
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	553.397.367	382.077.708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		723.503.947.256	547.328.106.345

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2023	01/04/2022
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		363.322.458.651	217.214.074.569
I/ Nợ ngắn hạn	310		362.822.458.651	216.714.074.569
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	183.641.500.163	66.661.433.992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	51.064.499.587	40.422.534.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	76.983.267	89.464.845
4. Phải trả người lao động	314		9.865.097.533	9.857.523.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	2.142.831.216	769.772.772
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	2.176.334.500	5.984.189.886
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	78.258.308.965	81.729.155.175
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	35.596.903.420	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	11.200.000.000
II/ Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	500.000.000	500.000.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.181.488.605	330.114.031.776
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.22	360.181.488.605	330.114.031.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		97.570.067.828	97.570.067.828
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.021.120.777	6.953.663.948
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.953.663.948	4.183.467.945
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.067.456.829	2.770.196.003
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		723.503.947.256	547.328.106.345



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 20 tháng 06 năm 2023

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	796.446.577.913	422.615.097.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		796.446.577.913	422.615.097.903
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	686.521.464.834	378.734.839.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.925.113.079	43.880.258.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.541.315.626	21.736.140.079
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.574.794.023	16.812.019.245
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.753.368.070	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	38.571.724.711	30.558.305.802
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	34.731.252.436	18.575.706.930
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.588.657.535	(329.633.507)
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.546.165.796	3.246.548.057
12. Chi phí khác	32	6.8	67.366.502	146.718.547
13. Lợi nhuận khác	40		1.478.799.294	3.099.829.510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.067.456.829	2.770.196.003
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.067.456.829	2.770.196.003



Lê Hải Đoàn
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 20 tháng 06 năm 2023

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.067.456.829	2.770.196.003
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	132.732.475	79.810.348
- Các khoản dự phòng	03	(26.307.456.527)	(592.972.947)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(161.282.089)	(22.814.973)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.403.304.658)	(6.448.042.741)
- Chi phí lãi vay	06	1.753.368.070	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	81.514.100	(4.213.824.310)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(167.569.494.331)	77.825.297.514
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.706.119.720	(47.477.905.830)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	121.884.626.321	11.700.613.248
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.465.930.857)	(1.049.059.881)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(39.470.834.256)	(69.311.477.193)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.634.002.514)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.000.000.000)	(818.125.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(72.468.001.817)	(33.344.482.101)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.021.841.363)	(86.301.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.733.603.107)	(5.286.243.930)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.737.811.417	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.684.548.000)	(84.805.026.880)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.367.097.589	6.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.599.892.512	6.393.863.345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.735.190.952)	(77.533.709.101)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	19.358.107.100
2. Tiền thu từ đi vay	33	147.735.821.059	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(112.138.917.639)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(149.379.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35.596.903.420	19.208.728.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(49.606.289.349)	(91.669.463.202)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	71.085.372.700	162.809.733.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.863.570)	(54.897.459)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.467.219.781	71.085.372.700





Lê Hải Đoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 06 năm 2023


Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng
Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/03/2023 Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (i)	Hà Nội, Việt Nam	0%	0%
Công ty CP phát triển nguồn nhân lực chân trời mới Hà Nội (ii)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty cổ phần HIPT	Hà Nội, Việt Nam	79,77%	51%

(i): Chuyển nhượng phần vốn góp vào công ty TNHH HIPT phần mềm theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/HIPT Software/HĐCNV-2022 cho ông Lê Hải Đoàn. Việc thoái vốn hoàn thành ngày 30/06/2022.

(ii): Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần đổi công nghệ 3D Hà Nội (i)	Hà Nội, Việt Nam	71,43%	25%
Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	98,04%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Lam Hồng

Công ty Cổ phần Nông sản TW6 Hà Nội, Việt Nam 36% 36%

(i): Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Tên công ty liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Thời báo Doanh Nhân	Hà Nội, Việt Nam	64,27%	50%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 90 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 84 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí thuê văn phòng. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính: không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

Góp vốn liên doanh:

Công ty liên doanh là công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết:

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh vào các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn 02 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2023	01/04/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	232.382.078	281.909.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.234.837.703	35.803.463.125
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
Cộng	<u>21.467.219.781</u>	<u>71.085.372.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/03/2023			01/04/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Cổ phiếu	108.782.311.449	(17.331.252.638)	-	69.311.477.193	(6.925.679.521)	-
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PGI	13.726.835.594	-	(i)	12.946.199.530	(895.199.530)	(i)
CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - NT2	-	-	(i)	15.751.451.212	-	(i)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPB	15.622.200.000	(1.245.480.000)	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO	12.295.257.738	(200.685.738)	(i)	-	-	(i)
CTCP Ánh Dương Việt Nam - VNS	23.913.185.198	(926.675.198)	(i)	2.373.535.000	(337.795.000)	(i)
CTCP Chế tạo máy Vinacomin - CTT	8.347.348.806	(2.701.148.806)	(i)	-	-	-
Khác	34.877.484.113	(12.257.262.896)	(i)	38.240.291.451	(5.692.684.991)	(i)
Cộng	108.782.311.449	(17.331.252.638)	-	69.311.477.193	(6.925.679.521)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	14.070.695.620	14.070.695.620	15.374.903.930	15.374.903.930
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.070.695.620	14.070.695.620	15.374.903.930	15.374.903.930
Cộng	14.070.695.620	14.070.695.620	15.374.903.930	15.374.903.930

(i) Trong đó:

- Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm –PGD, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam – CN Ba Đình có lãi suất từ 4,6% - 5,5%, đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 04032022/HDTD/HGM/1528888801 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 03/2022/HĐBD/HGM ngày 04/03/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm – PGD, và sử dụng làm tài khoản phong tỏa tại các ngân hàng thương mại để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2023			01/04/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	53.293.570.000	(2.293.570.000)	-	33.293.570.000	(16.699.389.501)	-
Công ty TNHH HIPT Phần mềm	-	-	-	15.000.000.000	(14.405.819.501)	(i)
Công ty CP PT Nguồn nhân lực chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	(i)	2.293.570.000	(2.293.570.000)	(i)
Công ty CP HIPT	51.000.000.000	-	(i)	16.000.000.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	85.605.026.880	(7.000.000.000)	-	76.605.026.880	(7.000.000.000)	-
Thời báo doanh nhân	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(i)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(i)
Công ty CP công nghệ 3D	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)
Công ty CP CNTT Lam Hồng	800.000.000	-	(i)	800.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư - XD Công trình văn hoá và đô thị	24.900.000.000	-	(i)	15.900.000.000	-	(i)
Công ty CP XNK Nông sản Trung Ương 6	52.905.026.880	-	(i)	52.905.026.880	-	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	9.098.420.000	-	-	16.862.464.944	(6.176.677.280)	-
Công ty CP tin học viễn thông hàng không	9.098.420.000	-	(i)	9.098.420.000	-	(i)
Công ty CP DV nền di động Việt Nam	-	-	-	7.764.044.944	(6.176.677.280)	(i)
Cộng	147.997.016.880	(9.293.570.000)	-	126.761.061.824	(29.876.066.781)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	23.113.316.492	-	-	-
Công ty CP HIPT	23.113.316.492	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	227.821.286.795	(16.815.148.528)	71.275.557.051	(525.144.840)
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	56.800.532.619	(13.059.579.778)	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	8.744.465.810	-	6.727.192.580	-
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	23.996.962.000	-	11.305.228.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	80.246.331.728	-	-	-
Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam	9.872.612.847	-	226.560.000	-
Công ty CP Tập đoàn Công nghệ Thăng Long	-	-	7.519.105.446	-
Các khách hàng khác	48.160.381.791	(3.755.568.750)	45.497.471.025	(525.144.840)
Cộng	250.934.603.287	(16.815.148.528)	71.275.557.051	(525.144.840)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	23.642.096.822	-	10.382.310.177	-
Công ty CP Tập đoàn ASI	2.846.734.649	-	-	-
Công ty CP Tích hợp công nghệ truyền thông và tri thức mới NKG	6.363.320.456	-	-	-
JTRI	5.342.803.580	-	-	-
D2P ASIA PTE. LTD.	3.767.014.400	-	-	-
Công ty CP Thương mại kỹ thuật HDL	1.794.348.700	-	133.627.065	-
Công ty CP TM và DV kỹ thuật SVC	-	-	2.242.836.780	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vượng	-	-	2.563.099.000	-
Các đối tượng khác	3.527.875.037	-	5.442.747.332	-
Cộng	23.642.096.822	-	10.382.310.177	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.5 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/03/2023 VND	01/04/2022 VND
Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	34.079.244.428
Cộng	-	34.079.244.428

5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	5.300.000.000	-	-	-
Ông Võ Văn Mai (i)	5.300.000.000	-	-	-
Cộng	5.300.000.000	-	-	-

(i) Cho ông Võ Văn Mai vay theo hợp đồng cho vay số 01/HD-HIPT-VVM ngày 31/1/2023, thời hạn vay là 4 tháng, lãi vay cố định cho cả kỳ là 100 triệu VND, hình thức đảm bảo: tín chấp.

5.7 Phải thu khác**5.7.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	21.258.106.924	(5.271.014.712)	20.072.949.867	(4.073.514.712)
Phạm Việt Giang	4.045.633.000	(4.045.633.000)	4.045.633.000	(4.045.633.000)
Công ty TNHH HIPT Phần mềm	-	-	5.319.701.418	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.918.470.270	-	1.499.591.450	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	11.284.130.524	(1.197.500.000)	7.371.616.832	-
Phải thu khác	4.009.873.130	(27.881.712)	1.836.407.167	(27.881.712)
Cộng	21.258.106.924	(5.271.014.712)	20.072.949.867	(4.073.514.712)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.7.2 Phải thu khác dài hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	56.250.000	-	56.250.000	-
Cộng	56.250.000	-	56.250.000	-

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	T/g quá hạn	31/03/2023		01/04/2022	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ phải thu khách hàng quá hạn		47.287.501.343	30.472.352.815	3.755.568.750	3.230.423.910
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	> 3 năm	525.144.840	-	525.144.840	-
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	6-12 tháng	43.531.932.593	30.472.352.815		
Bộ tư lệnh 86/BQP	> 3 năm	3.230.423.910	-	3.230.423.910	3.230.423.910
Các khoản phải thu khác quá hạn		4.073.514.712	-	4.073.514.712	-
Phạm Việt Giang	> 3 năm	4.045.633.000	-	4.045.633.000	-
Công ty CP Đầu tư Phú Bình Group	> 3 năm	27.881.712	-	27.881.712	-
Các khoản tạm ứng quá hạn		1.227.500.000	30.000.000	1.227.500.000	1.227.500.000
Lê Việt Dũng	> 3 năm	1.227.500.000	30.000.000	1.227.500.000	1.227.500.000
Cộng		52.588.516.055	30.502.352.815	9.056.583.462	4.457.923.910

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.9 Hàng tồn kho

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.334.533.807	-	89.185.953.272	(22.418.036.551)
Hàng hoá	6.350.819.612	-	10.205.519.867	-
Cộng	82.685.353.419	-	99.391.473.139	(22.418.036.551)

5.10 Chi phí trả trước**5.10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/03/2023 VND	01/04/2022 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.109.566.666	1.109.566.667
Chi phí thuê xe	450.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	127.659.534	39.715.001
Chi phí tư vấn	756.666.666	-
Cộng	2.443.892.866	1.149.281.668

5.10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2023 VND	01/04/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	553.397.367	382.077.708
Cộng	553.397.367	382.077.708

5.11 Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt.

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thoả thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thoả thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/03/2023, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do đó Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" được trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại 01/04/2022	54.038.000	-	10.392.463.953	10.446.501.953
Mua trong kỳ		957.877.727	63.963.636	1.021.841.363
Số dư tại 31/03/2023	<u>54.038.000</u>	<u>957.877.727</u>	<u>10.456.427.589</u>	<u>11.468.343.316</u>
Giá trị hao mòn				
Số dư tại 01/04/2022	8.376.859	-	10.353.506.990	10.361.883.849
Khấu hao trong kỳ	18.012.666	84.812.090	29.907.719	132.732.475
Số dư tại 31/03/2023	<u>26.389.525</u>	<u>84.812.090</u>	<u>10.383.414.709</u>	<u>10.494.616.324</u>
Giá trị còn lại				
Số dư tại 01/04/2022	45.661.141	-	38.956.963	84.618.104
Số dư tại 31/03/2023	<u>27.648.475</u>	<u>873.065.637</u>	<u>73.012.880</u>	<u>973.726.992</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng				
Số dư tại 01/04/2022	-	-	10.326.218.818	10.326.218.818
Số dư tại 31/03/2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.326.218.818</u>	<u>10.326.218.818</u>

5.13 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại 01/04/2022	189.800.000	-	189.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(189.800.000)		(189.800.000)
Số dư tại 31/03/2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị hao mòn			
Số dư tại 01/04/2022	189.800.000	-	189.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(189.800.000)		(189.800.000)
Số dư tại 31/03/2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/04/2022	-	-	-
Số dư tại 31/03/2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.14 Bất động sản đầu tư

	01/04/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2023
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	183.641.500.163	183.641.500.163	66.661.433.992	66.661.433.992
Công ty CP Phần mềm FIT	21.037.499.000	21.037.499.000	-	-
Công ty CP Đầu tư tin học Đồng Lợi	44.051.280.840	44.051.280.840	-	-
M-Security Technology Indochina PTE.LTD	26.290.258.281	26.290.258.281	6.238.446.782	6.238.446.782
BTG Asia Co., Limited	2.008.826.580	2.008.826.580	7.921.886.208	7.921.886.208
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ quốc gia	7.555.739.615	7.555.739.615	7.103.974.075	7.103.974.075
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solution (VN) -	14.464.487.100	14.464.487.100	115.738.000	115.738.000
Công ty CP Công nghệ Elite	25.769.786.195	25.769.786.195	929.835.134	929.835.134
Công ty CP HIPT DX	6.630.262.481	6.630.262.481	-	-
Công ty CP Tin học - Viễn thông hàng không (AITS)	-	-	7.229.913.540	7.229.913.540
Các nhà cung cấp khác	35.833.360.071	35.833.360.071	37.121.640.253	37.121.640.253
Cộng	183.641.500.163	183.641.500.163	66.661.433.992	66.661.433.992

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước khác	51.064.499.587	51.064.499.587	40.422.534.190	40.422.534.190
Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo Công an thành Phố Tây Ninh	6.869.421.250	6.869.421.250	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	-	-	6.727.192.580	6.727.192.580
Trường Đại Học Khoa học tự nhiên	4.386.897.400	4.386.897.400	-	-
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	-	-	4.154.525.000	4.154.525.000
Tổng Cty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC)	-	-	4.352.700.000	4.352.700.000
Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	-	4.885.799.520	4.885.799.520
Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	13.323.018.000	13.323.018.000	-	-
Các đối tượng khác	17.861.917.388	17.861.917.388	20.302.317.090	20.302.317.090
Cộng	51.064.499.587	51.064.499.587	40.422.534.190	40.422.534.190

5.17 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.169.931.266	8.169.931.266	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	953.377.703	-	1.129.833.475	468.748.232	292.292.460	-
Các loại thuế khác	-	89.464.845	1.956.378.716	1.968.860.294	-	76.983.267
Cộng	953.377.703	89.464.845	11.256.143.457	11.607.539.792	1.292.292.460	76.983.267

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2023	01/04/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Trích trước chi phí thuê xe	-	300.000.000
Trích trước giá vốn các dự án	1.722.988.960	-
Trích trước chi phí tiền điện	156.584.780	-
Trích trước phí kiểm toán	100.000.000	100.000.000
Chi phí khác	163.257.476	369.772.772
Cộng	<u>2.142.831.216</u>	<u>769.772.772</u>

5.19 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2023	01/04/2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu từ bảo hành, bảo trì	2.176.334.500	5.984.189.886
Cộng	<u>2.176.334.500</u>	<u>5.984.189.886</u>

5.20 Các khoản phải trả khác**5.20.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả các bên liên quan	893.161.330	893.161.330	-	-
Ông Lê Hải Đoàn	893.161.330	893.161.330	-	-
Phải trả các đối tượng khác	77.365.147.635	77.365.147.635	81.729.155.175	81.729.155.175
Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900
Tạm ứng mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 5.10)	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Kinh phí công đoàn	148.053.382	148.053.382	162.344.052	162.344.052
Bảo hiểm xã hội	68.996.678	68.996.678	47.677.900	47.677.900
Bảo hiểm thất nghiệp	4.887.800	4.887.800	1.616.200	1.616.200
Cổ tức phải trả	304.904.075	304.904.075	304.904.075	304.904.075
Phải trả khác	2.182.024.800	2.182.024.800	6.556.332.048	6.556.332.048
Cộng	<u>78.258.308.965</u>	<u>78.258.308.965</u>	<u>81.729.155.175</u>	<u>81.729.155.175</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.20.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các cá nhân uỷ thác đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.21 Vay và nợ thuê tài chính**5.21.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/03/2023		Trong năm		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	35.596.903.420	35.596.903.420	147.735.821.059	112.138.917.639	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBank) (i)	1.972.943.326	1.972.943.326	24.507.389.063	22.534.445.737	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Ba Đình - VND (ii)	28.666.133.294	28.666.133.294	102.480.842.006	73.814.708.712	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Ba Đình - USD	-	-	10.234.946.633	10.234.946.633	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm (iii)	4.957.826.800	4.957.826.800	10.512.643.357	5.554.816.557	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	35.596.903.420	35.596.903.420	147.735.821.059	112.138.917.639	-	-

5.21.2 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i): Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2232848.23 ngày 10/03/2023; hạn mức tín dụng là: 50 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 20 tỷ VND; mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ; tài sản đảm bảo: Khoản phải thu từ hợp đồng đầu ra với các đối tác cụ thể.

(ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN202064399/HĐCTD ngày 22/12/2020, phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PL1501 ngày 15/01/2022, phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PLHM-796774 ngày 24/12/2022 và phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PLHM-796774 ngày 08/02/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 290 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 100 tỷ VND, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng từ ngày 08/02/2023 đến ngày 31/12/2023. Mục đích cho vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

(iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm – PGD Hồ Gươm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 121/2022/HĐTD/HGM ngày 19/07/2022 với tổng hạn mức tín dụng là 170 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 70 tỷ VND, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C UPAS X phục vụ hoạt động cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin – viễn thông của Khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng, lãi suất cho vay quy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (tự quay vòng) được quy định tại hợp đồng thế chấp số 03/2022/HDBD/HGM ngày 04/03/2022.

5.22 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.22.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/04/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	4.183.467.945	307.985.728.673
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.770.196.003	2.770.196.003
Bán cổ phiếu quỹ năm trước	-	-	38.762.556.372	-	38.762.556.372
Lỗ từ bán cổ phiếu quỹ	-	(19.404.449.272)	-	-	(19.404.449.272)
Số dư tại 31/03/2022	225.590.300.000	97.570.067.828	-	6.953.663.948	330.114.031.776
Số dư tại 01/04/2022	225.590.300.000	97.570.067.828	-	6.953.663.948	330.114.031.776
Lãi trong năm nay	-	-	-	30.067.456.829	30.067.456.829
Số dư tại 31/03/2023	225.590.300.000	97.570.067.828	-	37.021.120.777	360.181.488.605

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.22.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2023		01/04/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Lê Hải Đoàn	86.668.880.000	38,42%	62.000.000.000	27,48%
Công ty TNHH VBP	39.990.000.000	17,73%	39.990.000.000	17,73%
Tập đoàn Bảo Việt	19.870.310.000	8,81%	19.870.310.000	8,81%
Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VBP	11.410.000.000	5,06%	11.410.000.000	5,06%
Các cổ đông khác	67.651.110.000	29,99%	92.319.990.000	40,92%
Cộng	225.590.300.000	100%	225.590.300.000	100%

5.22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	225.590.300.000	225.590.300.000

5.22.4 Cổ phiếu

	31/03/2023 Cổ phiếu	01/04/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/04/2022</u>
USD	21.934,03	121.931,25
EUR	4.993,53	4.438,77

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	<u>31/03/2023</u>	<u>01/04/2022</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty cho thuê tài chính BIDV	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	148.500.000	148.500.000
Phải thu văn phòng Nokia Hà Nội	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.991.178.683	20.991.178.683
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	663.440.566	663.440.566
Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt (Công ty liên kết)	77.333.520	77.333.520
Thanh tra TP. Hồ Chí Minh	3.658.380	3.658.380
Văn phòng UBND Q. Bình Thạnh	25.693.600	25.693.600
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.310.284.298	1.310.284.298
Cộng	<u>23.529.523.707</u>	<u>23.529.523.707</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	545.141.909.516	258.143.063.638
Doanh thu từ dịch vụ, phần mềm, chương trình	250.298.637.052	163.470.170.143
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.006.031.345	1.001.864.122
Cộng	<u>796.446.577.913</u>	<u>422.615.097.903</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	501.952.450.346	222.071.654.604
Giá vốn cung cấp dịch vụ, phần mềm, chương trình	217.120.822.137	155.601.092.004
Giá vốn cho thuê văn phòng	1.066.228.902	1.062.092.904
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (i)	(33.618.036.551)	-
Cộng	<u>686.521.464.834</u>	<u>378.734.839.512</u>

- (i) Hoàn trích trước chi phí dự án Camels 10-10/2014 với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi phí này đã hạch toán vào kết quả kinh doanh và loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	836.837.922	3.351.970.884
Lãi bán chứng khoán	1.180.862.623	14.403.987.770
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.763.054.590	3.041.892.461
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	510.001.521	904.751.932
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	250.558.970	22.814.973
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.722.059
Cộng	7.541.315.626	21.736.140.079

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.753.368.070	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác	691.821.033	16.000.000.000
Lỗ từ bán chứng khoán	12.320.552.227	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	897.158.281	188.534.964
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.228.895.837	588.150.312
Chi phí tài chính khác	154.238.068	35.333.969
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính (i)	(4.471.239.493)	-
Cộng	15.574.794.023	16.812.019.245

- (i) Hoàn nhập Trích trước chi phí thường cho Tổng giám đốc do quản lý tài khoản chứng khoán có lãi theo nghị quyết số 32-21/NQ/HĐQT/HIPT ngày 15/9/2021 và hoàn nhập một phần chi phí thường hiệu quả do Quyết định của Tổng giám đốc về việc thường hiệu quả.

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	28.849.070.967	25.207.406.796
Chi phí vật liệu, bao bì	114.647.350	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	353.475.652	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.380.453	335.344.794
Chi phí bảo hành	-	121.468.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.164.436.821	3.164.230.054
Chi phí bằng tiền khác	5.067.713.468	1.729.855.418
Cộng	38.571.724.711	30.558.305.802

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.067.156.039	9.596.307.147
Chi phí vật liệu quản lý	7.965.056	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	791.716.242	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.856.191	187.104.044
Thuế, phí và lệ phí	359.662.232	-
Chi phí dự phòng	17.487.503.688	(1.181.123.259)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.487.064.489	9.491.053.124
Chi phí bằng tiền khác	1.383.328.499	482.365.874
Cộng	34.731.252.436	18.575.706.930

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	1.925.000	54.179.396
Các khoản được hưởng, được bồi thường	1.520.961.097	2.942.738.874
Các khoản khác	23.279.699	249.629.787
Cộng	1.546.165.796	3.246.548.057

6.8 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	29.790.502	15.166.901
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	37.176.000	131.551.646
Các khoản khác	400.000	-
Cộng	67.366.502	146.718.547

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.067.456.829	2.770.196.003
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(38.268.903.180)	(3.096.041.462)
Các khoản điều chỉnh tăng	112.187.961	748.458
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	27.500.000	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước</i>	54.897.459	748.458
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i>	29.790.502	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(38.381.091.141)	(3.096.789.920)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(4.763.054.590)	(3.041.892.461)
<i>Khoản điều chỉnh giảm giá vốn đã loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN năm trước (xem thuyết minh 6.2)</i>	(33.618.036.551)	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi và phải thu cuối kỳ</i>	-	(54.897.459)
Thu nhập tính thuế TNDN	(8.201.446.351)	(325.845.459)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	147.735.821.059	-

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	112.138.917.639	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	31/03/2023		Giá trị ghi sổ 01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.467.219.781	-	71.085.372.700	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.248.960.211	(22.086.163.240)	91.404.756.918	(4.598.659.552)
Đầu tư tài chính	270.850.023.949	(26.624.822.638)	211.447.442.947	(36.801.746.302)
	564.566.203.941	(48.710.985.878)	373.937.572.565	(41.400.405.854)

	31/03/2023		Giá trị ghi sổ 01/04/2022	
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ		35.596.903.420		-
Phải trả người bán và phải trả khác		262.399.809.128	148.890.589.167	
Chi phí phải trả		2.142.831.216	769.772.772	
		300.139.543.764	149.660.361.939	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/03/2023 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/03/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.467.219.781	-	-	21.467.219.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.106.546.971	56.250.000	-	250.162.796.971
Đầu tư tài chính	105.521.754.431	-	138.703.446.880	244.225.201.311
Cộng	377.095.521.183	56.250.000	138.703.446.880	515.855.218.063
Tại ngày 01/04/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.085.372.700	-	-	71.085.372.700
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.676.897.499	-	-	66.676.897.499
Đầu tư tài chính	77.760.701.602	-	96.884.995.043	174.645.696.645
Cộng	215.522.971.801	-	96.884.995.043	312.407.966.844

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/03/2023				
Vay và nợ	35.596.903.420	-	-	35.596.903.420
Phải trả người bán và phải trả khác	261.899.809.128	500.000.000	-	262.399.809.128
Chi phí phải trả	2.142.831.216	-	-	2.142.831.216
Cộng	299.639.543.764	500.000.000	-	300.139.543.764
Tại ngày 01/04/2022				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	148.390.589.167	500.000.000	-	148.890.589.167
Chi phí phải trả	769.772.772	-	-	769.772.772
Cộng	149.160.361.939	500.000.000	-	149.660.361.939

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Lương thưởng Ban Tổng GD				
Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Lương Trích/ hoàn nhập thưởng quản lý chứng khoản	812.860.000 (4.471.239.493)	756.943.030 4.471.239.493
Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	569.960.000	832.020.000
Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	568.760.000	1.783.040.000
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	557.360.000	2.120.440.000
Thù lao HĐQT				
Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
Lê Hải Đoàn	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	3.363.636	29.272.728
Đỗ Thị Mai	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	103.181.818	-
Đặng Quang Duy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao HĐQT	5.363.636	16.727.273
Vladislav Savkins	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao HĐQT	-	27.909.091
Võ Văn Mai	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao HĐQT	5.363.636	24.000.000
Nguyễn Duy Nguyên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao HĐQT	5.363.636	16.727.273
Lê Thị Thanh Châu	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao HĐQT	5.363.636	42.636.364
Thù lao ban kiểm soát				
Nguyễn Thị Xuân	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	8.045.455	51.000.000
Lương Thị Hiền	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	5.363.636	16.727.273
Phan Như Long	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	5.363.636	47.909.091
Nguyễn Thị Bích Thủy	Ban Kiểm soát (cũ)	Thù lao ban kiểm soát	-	6.454.545
Nguyễn Minh Đức	Ban Kiểm soát (cũ)	Thù lao ban kiểm soát	-	2.636.364

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/03/2023, Công ty còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư VND
Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	2.700.000
Đỗ Thị Mai	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	9.000.000
Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Thu nhập còn phải trả	57.685.250
Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	44.285.250
Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	47.876.500
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	100.000.000
		Thu nhập còn phải trả	43.866.650

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP HIPT	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	45.308.231.050	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	2.100.000.000	-
		Góp vốn	35.000.000.000	-
Công ty TNHH HIPT phần mềm	Công ty con (đã thoái vốn 100% tại ngày 30/6/2022)	Mua hàng hoá và dịch vụ (i)	6.390.000.000	1.290.000.000
		Tạm ứng chi hoạt động	-	9.865.000.000
Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Công ty liên kết	Xoá nợ	-	663.440.566
Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt	Công ty liên kết	Xoá nợ	-	77.333.520
Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị	Công ty liên kết	Góp vốn	9.000.000.000	-

- (i) Trong đó giá trị giao dịch mua hàng hoá dịch từ ngày 01/04/2022 đến 30/06/2022 (thời điểm Công ty TNHH HIPT phần mềm vẫn là công ty con của Công ty là 4.690.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hằng kiểm toán và định giá ATC.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Lê Hải Đoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu